

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA: NGOẠI NGỮ

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2023 - 2024

Mã học phần: 71ENGL30362

Tên học phần: Nói 4

Mã nhóm lớp học phần: 71ENGL30362_01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14

Thời gian làm bài (phút/ngày): 3 - 5 phút/ sinh viên

Hình thức thi: **Thuyết trình**

ĐỀ BÀI:

Đề bài được công bố tuần cuối của khóa học. Sinh viên tự chọn 1 trong 8 chủ đề sau:

1. SOCIAL PROBLEMS
2. FAME
3. FRIENDSHIP
4. ETHICAL ISSUES
5. MEDIA AND NEWS
6. CRIME AND PERSONAL SAFETY
7. SERVICE JOBS
8. WORK-LIFE BALANCE

HƯỚNG DẪN:

- Mỗi sinh viên chuẩn bị 1 bài thuyết trình theo chủ đề với sự trợ giúp của Power Point trong khoảng thời gian từ 3 đến 5 phút. Sinh viên cần thu hẹp chủ đề lớn đã bốc thăm thành một chủ đề nhỏ hơn, nhưng vẫn đảm bảo liên quan với chủ đề lớn đã chọn.
- Tiêu chí chấm điểm bao gồm: tư thế và giao tiếp bằng ánh mắt (1 điểm), ngôn ngữ cơ thể (1 điểm), ngữ điệu (1 điểm), phát âm (1 điểm). Công cụ hỗ trợ trực quan (Sử dụng Power Point trình chiếu) (3 điểm). Bố cục bài thuyết trình gồm mở bài, thân bài và kết bài (3 điểm) (theo đề cương chi tiết đã được công bố)

- **Tiêu chí chấm điểm và thang điểm (Rubric): Theo tiêu chí thống nhất chấm Môn Nói 4 (Tổ Kỹ năng Ngôn ngữ)**

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ MÔN NÓI 4

		0 điểm - 3 điểm	4 điểm - 6 điểm	7 điểm - 8 điểm	9 điểm - 10 điểm
TRUYỀN TẢI NGÔN NGỮ CƠ THỂ	Tư thế, điệu bộ và giao tiếp bằng mắt	Tác phong luộm thuộm. Ít giao tiếp bằng mắt với khán giả. Tư thế đứng và chuyển động chưa linh hoạt hoặc chưa tập trung vào bài thuyết trình.	Thỉnh thoảng đứng thẳng người và có giao tiếp bằng mắt với khán giả. Có động tác dư thừa, đứng nghiêng hoặc mất cân bằng.	Tư thế đứng thẳng, có giao tiếp bằng mắt với khán giả trong suốt bài thuyết trình.	Tư thế đứng thẳng, tự tin và thoải mái. Có giao tiếp bằng mắt với mọi khán giả. Di chuyển có chủ đích khi thuyết trình.
	Cử chỉ	Cử chỉ trái với thông điệp của bài thuyết trình hoặc làm sao lãng phần trình bày.	Không sử dụng cử chỉ khi thuyết trình.	Có dùng cử chỉ khi thuyết trình.	Có cử chỉ diễn đạt tự nhiên và có chủ đích để nêu bật được thông điệp của bài thuyết trình.
	Âm điệu	Nói lí nhí, khó nghe, giọng đơn điệu làm cho bài thuyết trình không sinh động.	Giọng nói chưa mạnh mẽ gây sự không thoải mái cho khán giả. Sử dụng ít hoặc không có âm điệu khi thuyết trình.	Nói to rõ đủ để khán giả nghe và ghi nhớ thông tin. Giọng nói thoải mái, chậm rãi khi trình bày các thông tin quan trọng.	Nói to rõ, truyền đạt thông tin đến toàn bộ khán giả. Biết áp dụng trôi chảy âm điệu, nhịp, mạch nói và dấu nhấn khi thuyết trình.

	Phát âm	Phát âm không rõ, mắc nhiều lỗi phát âm sai gây cản trở quá trình nghe hiểu.	Thường mắc lỗi phát âm, thỉnh thoảng gây cản trở đến quá trình nghe hiểu.	Phát âm khá rõ ràng, dễ hiểu. Thỉnh thoảng mắc lỗi phát âm.	Phát âm rõ ràng, dễ hiểu. Mắc rất ít lỗi phát âm.
THÔNG ĐIỆP HÌNH ẢNH	Chất lượng hình ảnh	Có ít hình ảnh, nhiều lỗi chính tả, lỗi ngữ pháp, quá nhiều từ trên ppt slide. Không sử dụng được các biểu đồ thích hợp để trình bày (biểu đồ thanh, biểu đồ tròn, biểu đồ cột...). Không thể vận dụng thiết lập định dạng ppt: màu sắc, kích thước từ, hiệu ứng quá phức tạp.	Phần trình bày được minh họa bằng hình ảnh và văn bản phù hợp. Có ít lỗi chính tả và ngữ pháp, định dạng PPT	Bài thuyết trình được minh họa tốt với hình ảnh và văn bản. Có ít lỗi chính tả và ngữ pháp nhỏ. Sử dụng các từ chính thay vì toàn bộ câu. Vận dụng thiết kế định dạng PPT thành công.	Phần trình bày hấp dẫn, lôi cuốn người nghe, không mắc lỗi gì.
	Cách sử dụng hình ảnh	Không thể tương tác thông tin trên màn hình với khán giả, đọc thông tin trên slides trong khi trình bày. Chặn màn hình. Không giải thích được thông tin (biểu đồ, từ khóa, số) trên trang trình bày.	ít tương tác giữa màn hình và khán giả. Đôi khi đọc thông tin trên slides, giải thích thông tin trên slides.	Trình bày thông tin trên slide một cách hiệu quả mà ít gây mất tập trung hoặc gây nhầm lẫn cho khán giả.	Trình bày thông tin trên slide một cách hiệu quả, thu hút sự chú ý của khán giả.

THÔNG ĐIỆP NỘI DUNG	Mở bài	Chủ đề quá chung chung và không bị thu hẹp. Thiếu biểu đồ tổng quan (ý chính cho phần thân bài)	Chủ đề không rõ ràng. Biểu đồ tổng quan không rõ ràng và / hoặc chồng chéo thông tin.	Chủ đề hoặc biểu đồ tổng quan được nêu rõ ràng.	Chủ đề sáng tạo hoặc nổi bật. Biểu đồ tổng quan được nêu rõ ràng
	Thân bài	Ý tưởng không có tổ chức, thiếu giải thích, ví dụ hoặc bằng chứng. Các ý kiến liên quan đến ý kiến của sinh viên không đưa ra được thông tin bổ sung hoặc giải thích.	Một số ý tưởng mà sinh viên trình bày không đưa ra được thông tin bổ sung hoặc giải thích. Cung cấp các ví dụ, dữ kiện và / hoặc số liệu thống kê thiếu, không hỗ trợ đầy đủ cho các ý chính.	Hầu hết các ý kiến mà sinh viên trình bày đưa ra được thông tin bổ sung hoặc giải thích. Cung cấp các ví dụ, dữ kiện và / hoặc số liệu thống kê, hỗ trợ đầy đủ cho các ý chính.	Tất cả các ý tưởng mà sinh viên trình bày, liên quan đến ý kiến của sinh viên đều đưa ra được thông tin bổ sung hoặc giải thích.
	Kết luận	Thiếu biểu đồ kết luận. Biểu đồ kết luận không phù hợp với phần mở đầu.	Biểu đồ kết luận được trình bày rõ ràng.	Biểu đồ kết luận được trình bày rõ ràng, tóm tắt tất cả các ý chính từ các phần thân bài. Ít mắc lỗi ngữ pháp hoặc lựa chọn từ ngữ.	Biểu đồ kết luận được trình bày rõ ràng, tóm tắt tất cả các ý chính từ các phần của bài thuyết trình một cách xuất sắc.

RUBRICS FOR SPEAKING 4

		0p -3p	4p-6p	7p-8p	9p -10p
PHYSICAL MESSAGE	Posture and eye contact	Slouches, appears too casual, establishes little eye contact with audience. Posture or movement interferes or distracts from presentation	Sometimes stands up straight and establishes eye contact with audience. Uses no purposeful movement and leans or shifts weight.	Stands up straight, establishes eye contact with audience during the presentation. Uses purposeful movements but shifts or leans without distractions.	Stands up straight, looks relaxed and confident. Establishes eye contact with everyone in the room. Uses purposeful movement.
	Gestures	Gestures contradict or distract from the message	Uses no gestures in presentation	Uses gestures in presentation	Purposeful and natural gestures compliment the message.
	Voice inflection	Cannot be heard, uses monotonous voice. The speech is boring.	Speaks softly causing some audience discomfort. Uses little or no voice inflection	Speaks loudly enough to be heard by most audience members. Relaxes voice, slows down when presenting important pieces of information.	Speaks loudly and comfortably to be heard by entire audience. Applies voice inflection (pace, stretch, stress) fluently and successfully.
	Pronunciation	Presents unclear pronunciation, makes too many pronunciation mistakes that interferes	Presents pronunciation that sometimes interferes with comprehension. Regularly makes	Presents a clear pronunciation that helps comprehension. Some pronunciation mistakes are made	Presents a clear pronunciation that helps comprehension. Very few pronunciation mistakes are made.

		with comprehension.	pronunciation mistakes.		
VISUAL MESSAGE	Quality of visual aids	There are few pictures, a lot of spelling mistakes, grammar mistakes, too many words on ppt slide. Fails to use proper charts to present (bar chart, pie chart, column chart...). Fails to apply ppt format: color, word size, too complicated animation.	The presentation is illustrated with proper pictures and texts. There are few spelling & grammar mistakes, PPT format.	The presentation is well illustrated with pictures and texts. There are few minor spelling and grammar mistakes. Uses key words instead of whole sentences. Applies PPT format design successfully.	The presentation is attractive and appealing to the audience with no mistakes.
	Use of visual aids	Fails to interact the information on screen with audience, reads the information on slides during the presentation . Blocks the screen, fails to explain the	Establishes little interaction between the screen and audience. Sometimes reads the information on slides, explains the information on slide	Presents information on slide effectively with little distraction or confuse for audience.	Presents information on slide effectively, holds the audience's attraction and attention.

		information (charts, key words, numbers) on slides.			
CONTENT MESSAGE	Introduction	The topic is too general and isn't narrowed down. Lacks overview chart (main ideas for body part)	The topic is not clear. The overview chart is not clear and/or overlaps information.	The topic or the overview chart is clearly stated.	The topic is creative or hot. The overview chart is clearly stated
	Body	Unorganized ideas, lack of explanation, examples, or evidence. The ideas regarding the opinion of the student are not supported by additional information or explanation.	Some ideas that the students present are supported by additional information or explanation. Provides weak examples, facts, and/or statistics, which do not adequately support the main ideas.	Most of the ideas that the students present are supported by additional information or explanations. Provides examples, facts, and/or statistics, which adequately support the main ideas.	All the ideas the student presents, regarding his/her opinion, are supported by additional information or explanations.
	Conclusion	Lacks conclusion chart. The conclusion chart is not relevant to the introduction	The conclusion chart is clearly stated,	The conclusion chart is clearly stated, summarizes all the main ideas from the body parts with few of grammatical or word	The conclusion chart is clearly stated, summarizes all the main ideas from the body parts excellently.

				choices mistakes	
--	--	--	--	---------------------	--

Ngày biên soạn: 14/10/2023

Giảng viên biên soạn đề thi: Nguyễn Hòa Mai Phương

Ngày kiểm duyệt: 30/10/2023

Trưởng Bộ môn kiểm duyệt đề thi: TS. Nguyễn Hòa Mai Phương